

CHỦ ĐỀ 1: CÁC PHÉP ĐO

A. Phần bài tập

Câu 1. Cho các đơn vị sau:

- (1) Metre;
- (2) Inch;
- (3) Kilogram;
- (4) Centimetre;
- (5) Kilometre;

Số đơn vị dùng để đo độ dài là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 2. Cho các bước đo độ dài gồm:

- (1) Đặt thước đo và mắt nhìn đúng cách;
- (2) Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước đo thích hợp;
- (3) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo độ dài là:

- A.** (1), (2), (3). **B.** (3), (2), (1). **C.** (2), (1), (3). **D.** (2), (3), (1).

Câu 3. Cho các dụng cụ sau:

		
1	2	3
		
4	5	6

Những dụng cụ dùng để đo độ dài là:

- A.** (1); (2); (4); (5). **B.** (1); (3); (4); (6).
C. (2); (3); (4); (5). **D.** (2); (4); (5); (6).

Câu 4. Cho các nguyên nhân sau:

- 1. Đặt thước không song song và cách xa vật;
- 2. Đặt mắt nhìn lệch;

3. Một đầu của vật không đặt đúng vạch số 0 của thước;
4. Chọn dụng cụ đo có GHĐ và ĐCNN phù hợp;
5. Đặt thước cách xa vật;
6. Chọn thước có GHĐ càng lớn càng tốt;
7. Đặt mắt vuông góc.

Số nguyên nhân đúng gây ra sai số khi đo chiều dài vật là:

- A.** 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 7

Câu 5. Trong phép đo độ dài của một vật. Có một số sai số thường gặp sau đây:

- (I) Thước không thật thẳng;
- (II) Vạch chia không đều;
- (III) Đặt thước không dọc theo chiều dài của vật;
- (IV) Đặt mắt nhìn lệch;
- (V) Một đầu của vật không đúng vạch số 0 của thước.

Số sai số mà người đo có thể khắc phục được là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 6. Cho các phát biểu sau:

- (1) Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là metre (kí hiệu km);
- (2) Để đo độ dài một vật, người ta có thể dùng thước;
- (3) Trên một số loại thước thông thường có ghi giới hạn đo và độ chia lớn nhất;
- (4) GHĐ của thước là chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước;
- (5) ĐCNN của thước là chiều dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước;
- (6) ĐCNN là giá trị giống nhau ở tất cả các thước.

Số phát biểu đúng là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 7. Cho các loại thước sau:

	
a)	b)

	
c)	d)

Số loại thước phù hợp để đo chiều dài lớp học là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 8. Để kiểm tra lại chiều dài của cuốn sách giáo khoa KHTN 6, trong quá trình thảo luận về cách đo các bạn nhóm 1 đưa ra các phát biểu sau:

Khoa: Phải chọn thước đo có GHĐ lớn hơn chiều dài cuốn sách để chỉ cần đặt thước một lần và giảm được sai số.

Minh: Phải chọn thước có ĐCNN theo đơn vị đo chiều dài của cuốn sách.

Phúc: Thước nào cũng được, cần gì phải chọn thước như thế.

Lan: Không cần thiết phải đặt thước dọc theo chiều dài của bút chì.

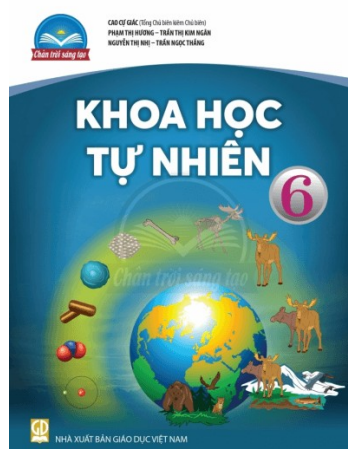
Long: Phải đặt thước dọc theo chiều dài của bút và một đầu của bút phải ngang với vạch số 0 của thước.

Oanh: Phải đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh của thước tại đầu kia của một vật.

Nhi: Phải đặt mắt lệch so với thước 45° .

Trúc: Đặt mắt thế nào cũng được, chỉ cần nhìn và đọc số thôi.

Những bạn có phát biểu đúng là:



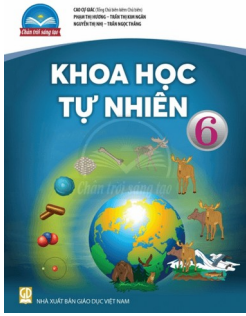
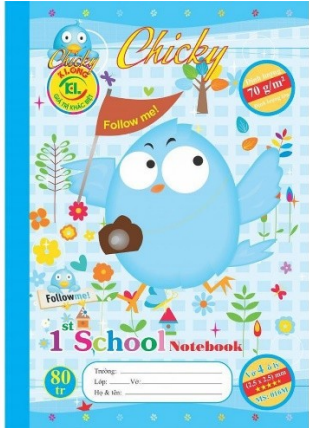
A. Minh, Phúc, Nhi và Trúc.

B. Khoa, Long, Trúc và Lan.

C. Khoa, Minh, Long và Oanh.

D. Phúc, Lan, Oanh và Nhi.

Câu 9. Cho đối tượng sau:

		
(1) Chiều dài bàn học.	(2) Bề dày cuốn sách giáo khoa.	(3) Chiều cao tủ sách.
		
(4) Chiều cao cánh cửa.	(5) Bề dày của chiếc đĩa.	(6) Chiều dài quyển vở

Thước dài có GHĐ 3m và ĐCNN 1 cm phù hợp để đo kích thước của bao nhiêu đối tượng trên:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 10. Một nhóm bạn dùng thước thẳng có ĐCNN là 0,5cm để đo chiều dài cuốn vở của mình và thu được các kết quả đo khác nhau như sau:



Khoa: 19,75 cm.

Minh: 20 cm.

Phúc: 19,5 cm.

Lan: 20,25 cm.

Long: 20,5cm.

Oanh: 20,75 cm

Nhi: 19 cm.

Trúc: 21 cm.

Số kết quả không thể là chiều dài của cuộn vở khi được đo bằng thước thẳng có ĐCNN là 0,5 cm:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 11. Cho các đơn vị sau:

(1) Kilogram.

(2) Lạng.

(3) Gram.

(4) Milimetre.

(5) Tạ.

Số đơn vị **không** dùng để đo khối lượng là:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 12. Cho các phát biểu sau về cân Roberval:



(1) Khi cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng của các quả cân đặt trên đĩa cộng với giá trị của số chỉ của con mã;

(2) Với một cân Roberval và hộp quả cân độ chia nhỏ nhất của cân là khối lượng của quả cân nhỏ nhất;

(3) Giới hạn đo của cân Roberval là khối lượng các quả cân lớn nhất có trong hộp;

(4) Khi dùng cân Robecvan để cân một vật, bước đầu tiên là điều chỉnh vạch số 0.

Số phát biểu đúng là:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 13. Cho các dụng cụ sau:

		
1	2	3
		
4	5	6

Những dụng cụ dùng để đo khối lượng là:

A. (1); (2); (3); (4); (5); (6).

B. (2); (3); (4); (5); (6).

C. (1); (3); (5); (6).

D. (1); (3); (4); (5); (6).

Câu 14. Cho các phát biểu sau:

(1) Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là kilogram (kí hiệu kg);

(2) Kilogram là khối lượng của một quả cân mẫu đặt tại Viện đo lường quốc tế tại Pháp;

(3) Để đo khối lượng người ta dùng cân;

(4) Trước khi sử dụng cân đồng hồ phải hiệu chỉnh cân về đúng số đã ước lượng về khối lượng của vật;

(5) Đọc và ghi kết quả của cân đồng hồ theo vạch chia nằm phía bên phải đầu kim;

(6) Cần đặt mắt theo hướng vuông góc với mặt cân đồng hồ khi đọc kết quả.

Số phát biểu đúng là:

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 15. Có một số phép tính đổi đơn vị sau:

(1) 1 tấn = 1000 kg

(2) 600 g = 6 kg;

(3) 60kg = 6 tạ

(4) 34,5 yến = 345 kg;

(5) 12 lạng = 1,2 kg;

(6) 0,2 tạ = 200 kg

Số phép đổi đơn vị đúng là:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

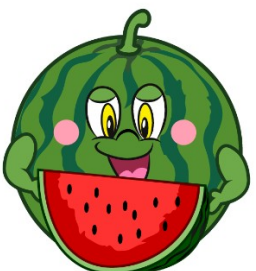
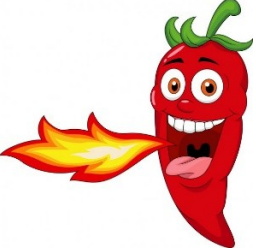
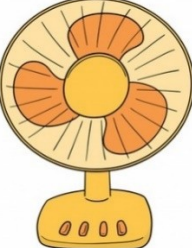
Câu 16. Cho các phát biểu sau về cách đo khối lượng:

- (1) Khi đo khối lượng bằng cân đồng hồ cần thực hiện 6 bước;
- (2) Trước khi đo cần phải ước lượng khối lượng vật cần đo;
- (3) Hãy chọn một loại cân bất kì mà em thích để đo một cách chính xác nhất.
- (4) Khi đã chọn được cân phù hợp, ngay lập tức đặt dứt khoát vật cần cân lên cân;
- (5) Hiệu chỉnh cân đúng cách trước khi đo.
- (6) Đọc và ghi kết quả theo vạch chia phía bên phải đầu kim của cân..

Số phát biểu chưa đúng là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 17. Cho các dữ kiện trong bảng sau:

			
(1) Khối lượng của con gà khoảng 3	(2) Khối lượng của quả dưa hấu khoảng 1,5	(3) Khối lượng của cặp có sách vở khoảng 0,2	(4) Khối lượng của con xe ô tô khoảng 1200
			
(5) Khối lượng của cái bàn khoảng 0,17	(6) Khối lượng của xe đạp khoảng 25	(7) Khối lượng của quả ớt khoảng 5	(8) Khối lượng của cái quạt khoảng 2,5

Trong các chỗ trống ở số liệu trên là đơn vị phù hợp. Số vật có đơn vị phù hợp là kilogram (kg) là:

- A.** 5. **B.** 4. **C.** 6. **D.** 7.

Câu 18. Để kiểm tra lại cân nặng của một số đồ vật được giáo viên yêu cầu, trong quá trình thảo luận về việc chọn cân, các bạn nhóm 1 đưa ra các phát biểu sau:

Khoa: Sử dụng cân Roberval có GHĐ 10 kg dùng để xác định khối lượng cơ thể học sinh lớp 6.

Minh: Sử dụng cân đồng hồ có GHĐ 5 kg để cân khối lượng của quả dưa hấu.

Phúc: Khối lượng của viên thuốc được xác định bằng cân điện tử.

Lan: Để xác định khối lượng cơ thể, ta sử dụng cân y tế.

Những bạn có phát biểu đúng là:



A. Minh, Phúc và Lan.

B. Khoa, Minh và Lan.

C. Khoa, Minh và Phúc.

D. Khoa, Phúc và Lan.

Câu 19. Cho đối tượng sau:

		
(1) Xe tải	(2) Hộp bút	(3) Cái tủ lạnh
		
(4) 5 quyển vở	(5) Chiếc đĩa	(6) 5 quả ổi

Cân đồng hồ có GHĐ 5 kg, ĐCNN 0,1 kg phù hợp để đo khối lượng của bao nhiêu đối tượng trên:

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 20. Một nhóm bạn dùng cân đồng hồ có ĐCNN là 1 lạng để xác định khối lượng của 10 quyển vở của mình và thu được các kết quả đo khác nhau như sau:

Khoa: 1,9 kg.

Minh: 2 kg.

Phúc: 1,7 kg.

Lan: 1,6 kg.

Long: 1,8 kg.

Oanh: 1,5 kg

Nhi: 1,4 kg.

Trúc: 1,3 kg.

Số kết quả có thể là khối lượng của 10 quyển vở là:

A. 2.

B. 4.

C. 6.

D. 8.

Câu 21. Cho các đơn vị sau:

(1) Phút;

(2) Giây;

(3) Giờ;

(4) Ngày;

(5) Tuần;

Số đơn vị dùng để đo thời gian là:

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 2.

Câu 22. Cho dữ kiện trong bảng sau:

		
1. Đồng hồ đeo tay	2. Đồng hồ để bàn	3. Đồng hồ điện tử
		
4. Đồng hồ bấm giây	5. Đồng hồ để bàn	6. Đồng hồ cát

Số dụng cụ được đọc đúng tên là

A. 2.

B. 4.

C. 6.

D. 3.

Câu 23. Cho các câu sau:

(1) Hiệu chỉnh đồng hồ theo thời gian đã ước lượng trước đó;

(2) Hiệu chỉnh đồng hồ vạch 0 trước khi dùng;

(3) Trong tất cả các trường hợp, khi đọc kết quả đo ta đọc theo vạch chia gần nhất về phía bên phải của đầu kim đồng hồ;

(4) Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với mặt đồng hồ;

(5) Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của đồng hồ;

Số phát biểu đúng về sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động đúng cách là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 24. Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

- (1) Đặt mắt nhìn đúng cách.
- (2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.
- (3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.
- (4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.
- (5) Thực hiện phép đo thời gian.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

- A.** (1), (2), (3), (4), (5).
B. (3), (2), (5), (4), (1).
C. (2), (3), (1), (5), (4).
D. (2), (1), (3), (5) (4).

Câu 25. Cho các hoạt động sau:

		
(1) Thời gian chạy 150 m	(2) Thời gian đọc 1 trang sách	(3) Thời gian từ trường về nhà
		
(4) Thời gian 1 buổi học	(5) Thời gian làm BTVN.	(6) Thời gian nấu 1 bữa ăn

Sử dụng đồng hồ treo tường có thể xác định được thời gian của bao nhiêu hoạt động.

- A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 6.

Câu 26. Cho các phát biểu sau:

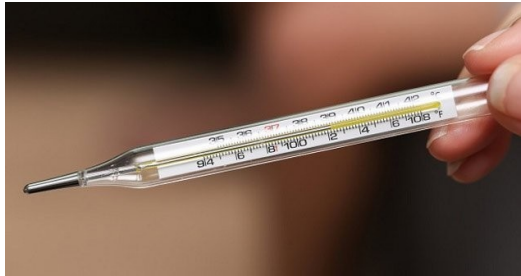
- (1) Nhiệt độ là số đo độ nóng của một vật;
- (2) Đơn vị đo nhiệt độ trong hệ SI là độ C (kí hiệu $^{\circ}\text{C}$);

- (3) Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở Việt Nam là Kelvin (kí hiệu K);
- (4) Dụng cụ đo nhiệt độ là nhiệt kế. Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau;
- (5) Nhiệt kế hoạt động dựa vào hiện tượng giãn nở vì nhiệt của các chất;
- (6) Giữa các thang đo nhiệt độ có mối quan hệ với nhau.

Số phát biểu đúng khi nói về nhiệt độ là:

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 27. Cho các phát biểu sau về nhiệt kế thủy ngân:



- (1) Trước khi sử dụng nhiệt kế thủy ngân cần rửa sạch nhiệt kế bằng nước sôi;
- (2) Hiệu chỉnh nhiệt kế về số 0 trước khi đo;
- (3) Khi nhiệt kế thủy ngân bị vỡ ta dùng chổi để quét sạch thủy ngân.;
- (4) Nhiệt kế thủy ngân không thể đo được nhiệt độ cơ thể người;
- (5) Nhiệt kế thủy ngân có thể dùng để đo nhiệt độ lò luyện kim;
- (6) Thủy ngân là một chất lỏng dễ bay hơi, gây độc cao vì vậy cần chú ý khi sử dụng.

Số phát biểu không đúng là:

- A.** 6. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 5.

Câu 28. Cho các bước như sau:

- (1) Thực hiện phép đo nhiệt độ.
- (2) Ước lượng nhiệt độ của vật.
- (3) Hiệu chỉnh nhiệt kế.
- (4) Lựa chọn nhiệt kế phù hợp.
- (5) Đọc và ghi kết quả đo.

Các bước đúng khi thực hiện đo nhiệt độ của một vật là:

- A.** (2), (4), (3), (1), (5).
B. (1), (4), (2), (3), (5).
C. (1), (2), (3), (4), (5).
D. (3), (2), (4), (1), (5).

Câu 29. Có một số phép tính đổi đơn vị sau:

- (1) $^{\circ}\text{C} = (^{\circ}\text{F} - 32) + ^{\circ}\text{F} * \frac{9}{5}$;
- (2) $^{\circ}\text{C} = \text{K} - 273$;

(3) $0^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F}$;

(4) $20^{\circ}\text{C} = 283\text{ K}$;

(5) $313\text{ K} = 40^{\circ}\text{C}$;

(6) $95^{\circ}\text{F} = 35^{\circ}\text{C}$.

Số phép đổi đơn vị đúng là:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 30. Cho đối tượng sau:

		
(1) Nước sôi	(2) Cơ thể người	(3) Không khí trong phòng
		
(4) Nước đá	(5) Lò luyện kim	(6) Nước chanh đá

Số đối tượng có thể được xác định nhiệt độ bằng nhiệt kế rượu là:

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

B. Phần lời giải

Câu 1.

Lời giải

(3) không phải là đơn vị đo độ dài.

Câu 2.

Lời giải

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo độ dài là:

- Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước đo thích hợp.
- Đặt thước đo và mắt nhìn đúng cách.
- Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

Câu 3.

Lời giải

(3) là bút để viết; (6) là compa dùng để vẽ đường tròn, hình tròn...

(1); (2); (4); (5) là các loại thước để đo độ dài, tùy vào mục đích sử dụng để lựa chọn loại thước phù hợp.

Câu 4.

Lời giải

Nguyên nhân gây ra sai số khi đo chiều dài của một vật là:

1. Đặt thước không song song và cách xa vật.
2. Đặt mắt nhìn lệch.
3. Một đầu của vật không đặt đúng vạch số 0 của thước.
5. Đặt thước cách xa vật.
6. Chọn thước có GHĐ càng lớn càng tốt.

Câu 5.

Lời giải

Trong các loại sai số trên, sai số thuộc về sai sót của dụng cụ đo như thước không thật thẳng, các vạch chia không đều là ta không khắc phục được. Các sai sót do bản thân người đo thực hiện phép đo chưa chính xác như đặt mắt nhìn không đúng (nhìn lệch), đặt thước không theo chiều dài vật, đặt một đầu vật không trùng với vạch số 0 là các loại sai số có thể khắc phục được bằng cách thực hiện đúng kỹ thuật đo. Cần đặt mắt nhìn thẳng, vuông góc với vạch chia của thước tại đầu kia của vật; đặt thước dọc theo chiều dài vật; đặt một đầu của vật trùng với vạch số 0.

Câu 6.

Lời giải

Những phát biểu đúng là: (2) và (5)

Những phát biểu chưa đúng là:

- (1) Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là metre (**kí hiệu m**).
- (3) Trên một số loại thước thông thường có ghi giới hạn đo và độ chia **nhỏ** nhất..
- (4) GHĐ của thước là chiều dài **lớn** nhất ghi trên thước.
- (6) ĐCNN **của mỗi thước có thể giống hoặc khác nhau.**

Câu 7.

Lời giải

Loại thước phù hợp để đo chiều dài lớp học là thước cuộn



Câu 8.

Lời giải

Để kiểm tra lại chiều dài của cuốn sách giáo khoa KHTN 6 cần lưu ý:

- Phải chọn thước đo có GHĐ lớn hơn chiều dài cuốn sách để chỉ cần đặt thước một lần và giảm được sai số.
- Nên chọn thước có ĐCNN theo đơn vị đo chiều dài sách (mm hoặc cm) để có kết quả chính xác nhất.
- Phải đặt thước dọc theo chiều dài của bút và một đầu của bút phải ngang với vạch số 0 của thước.
- Phải đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh của thước tại đầu kia của một vật.

Câu 9.

Lời giải

Thước dài có GHĐ 3m và ĐCNN 1 cm phù hợp để đo kích thước của:

- (1) Chiều dài bàn học;
- (3) Chiều cao tủ sách;
- (4) Chiều cao cánh cửa.

Câu 10.

Lời giải

Vì ĐCNN của thước là 0,5 cm nên kết quả đo khi đọc chỉ có thể có các giá trị chẵn hoặc lẻ 0,5 cm; ví dụ như: 24 cm hoặc 24,5 cm.

⇒ Không thể đo ra các kết quả: 19,75 cm; 20,25 cm; 20,75 cm.

Câu 11.

Lời giải

- (4) Milimetre là đơn vị đo độ dài không phải đơn vị đo khối lượng

Câu 12.

Lời giải

Các phát biểu đúng là: (1); (2) và (4).

Phát biểu sai được sửa lại là:

- (3) Giới hạn đo của cân Roberval là tổng khối lượng các quả cân có trong hộp;

Câu 13.**Lời giải**

Để đo khối lượng người ta dùng các loại cân.

		
1. Cân Roberval		3. Cân y tế
		
4. Cân điện tử	5. Cân đồng hồ	6. Cân đòn

Câu 14.**Lời giải**

Các phát biểu đúng là: (1); (2); (3) và (6)

Các phát biểu sai sửa lại là:

(4) Trước khi sử dụng cân đồng hồ phải hiệu chỉnh cân về số 0;

(5) Đọc và ghi kết quả của cân đồng hồ theo vạch chia gần nhất với đầu kim;

Câu 15.**Lời giải**

Các phép đổi đơn vị đúng là: (1); (4) và (5)

Các phép đổi sai và sửa lại là:

(2) $600 \text{ g} = 0,6 \text{ kg}$;

(3) $60 \text{ kg} = 0,6 \text{ tạ}$

(6) $0,2 \text{ tạ} = 20 \text{ kg}$

Câu 16.**Lời giải**

Khi đo khối lượng một vật bằng cân, ta cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Ước lượng khối lượng vật cần đo.

Bước 2: Chọn cân có GHĐ và ĐCNN phù hợp.

Bước 3: Hiệu chỉnh cân đúng cách trước khi đo.

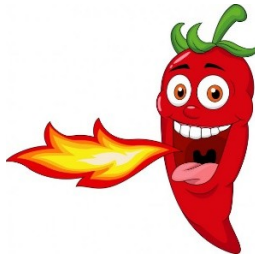
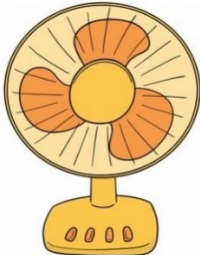
Bước 4: Đặt vật lên cân hoặc treo vật vào móc cân.

Bước 5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của cân.

⇒ Các phát biểu chưa đúng là: (1); (3); (4); và (6).

Câu 17.

Lời giải

			
(1) Khối lượng của con gà khoảng 3 kg	(2) Khối lượng của quả dưa hấu khoảng 1,5 kg	(3) Khối lượng của cặp có sách vở khoảng 0,2 yến	(4) Khối lượng của con xe ô tô khoảng 1200 kg
			
(5) Khối lượng của cái bàn khoảng 0,17 tạ	(6) Khối lượng của xe đạp khoảng 20 kg	(7) Khối lượng của quả ớt khoảng 5 g	(8) Khối lượng của cái quạt khoảng 2,5 kg

Câu 18.

Lời giải

Các bạn phát biểu đúng là Minh, Phúc và Lan.

Câu 19.

Lời giải

Cân đồng hồ có GHĐ 5 kg, ĐCNN 0,1 kg phù hợp để đo khối lượng của:

- (2) Hộp bút.
- (4) 5 quyển vở.
- (5) Chiếc đĩa.
- (6) 5 quả ổi.

Xe tải và tủ lạnh có khối lượng lớn hơn 5 kg rất nhiều nên không thể dùng cân có GHĐ 5 kg.

Câu 20.

Lời giải

10 quyển vở của mỗi bạn sẽ có khối lượng khác nhau.

Vì ĐCNN của cân là 1 lạng tức là 0,1 kg nên kết quả đo khi đọc chỉ có thể có các giá trị có 1 số ở phần thập phân; ví dụ như: 2 kg hay 2,1 kg hay 2,2 kg

⇒ Tất cả các kết quả trên đều có thể xảy ra.

Câu 21.**Lời giải**

Tất cả các đơn vị trên đều dùng để đo thời gian

Câu 22.**Lời giải**

		
1. Đồng hồ đeo tay	2. Đồng hồ treo tường	3. Đồng hồ để bàn
		
4. Đồng hồ điện tử	5. Đồng hồ bấm giây điện tử	6. Đồng hồ cát

Câu 23.**Lời giải**

Khi sử dụng đồng hồ để đo thời gian của một hoạt động cần lưu ý:

- Hiệu chỉnh đồng hồ vạch 0 trước khi dùng.
- Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với mặt đồng hồ.
- Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của đồng hồ.

⇒ Các phát biểu đúng là (2); (4) và (5).

Câu 24.**Lời giải**

Các bước đo thời gian:

- (1) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.
- (2) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.
- (3) Đặt mắt nhìn đúng cách.
- (4) Thực hiện phép đo thời gian.
- (5) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

Câu 25.

Lời giải

		
(1) Đồng hồ bấm giây	(2) Đồng hồ bấm giây	(3) Đồng hồ đeo tay
		
(4) Đồng hồ treo tường Đồng hồ đeo tay	(5) Đồng hồ treo tường Đồng hồ đeo tay Đồng hồ để bàn	(6) Đồng hồ treo tường Đồng hồ đeo tay Đồng hồ để bàn

Câu 26.

Lời giải

Các phát biểu đúng là: (4); (5) và (6).

Phát biểu sai được sửa lại là:

- (1) Nhiệt độ là số đo độ nóng, lạnh của một vật;
- (2) Đơn vị đo nhiệt độ trong hệ SI là Kelvin (kí hiệu K);
- (3) Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở Việt Nam là độ C (kí hiệu °C);

Câu 27.

Lời giải

Các phát biểu sai và sửa lại là:

- (1) Trước khi sử dụng nhiệt kế thủy ngân cần lau sạch nhiệt kế
- (2) Hiệu chỉnh nhiệt kế về mức thấp nhất tùy vào giới hạn của nhiệt kế;
- (3) Khi nhiệt kế thủy ngân bị vỡ không được dùng chổi để quét sạch thủy ngân.;
- (4) Nhiệt kế thủy ngân dùng để đo được nhiệt độ cơ thể người;
- (5) Nhiệt kế thủy ngân không dùng để đo nhiệt độ lò luyện kim;

Câu 28.**Lời giải**

Các bước đo nhiệt độ một vật:

- (1) Ước lượng nhiệt độ của vật.
- (2) Lựa chọn nhiệt kế phù hợp.
- (3) Hiệu chỉnh nhiệt kế.
- (4) Thực hiện phép đo nhiệt độ.
- (5) Đọc và ghi kết quả đo.

Câu 29.**Lời giải**

Các phép đổi đơn vị đúng là: (2); (3); (5) và (6).

Các phép đổi sai và sửa lại là:

$$(1) {}^{\circ}\text{C} = ({}^{\circ}\text{F} - 32) + {}^{\circ}\text{F} * \frac{5}{9};$$

$$(4) 20^{\circ}\text{C} = 293 \text{ K};$$

Câu 30.**Lời giải**

Nhiệt kế rượu có thang đo từ -30°C – 60°C .

		
(1) Nhiệt kế thủy ngân	(2) Nhiệt kế y tế	(3) Nhiệt kế rượu
		
(4) Nhiệt kế rượu	(5) Nhiệt kế kim loại	(6) Nhiệt kế rượu